

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày 19/6/2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Thanh

2/ Ông Võ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 19 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-DS ngày 02/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị D

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện L, tỉnh Đ. Có mặt

- Bị đơn: Bà Trần Mỹ N

Địa chỉ: ấp T, thị trấn R, huyện CTA, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn bà Võ Thị D trình bày: Trước đây bà có quen biết với bà N khi bà N buôn bán ở Đồng Nai, do buôn bán khó khăn nên bà N có qua hỏi vay tiền của bà lần đầu là 30.000.000 đồng và trả góp hàng ngày, bà không nhớ chính xác vào khoảng thời gian nào, sau đó bà N có qua hỏi bà thêm nhiều lần nữa, có lần hỏi 5.000.000 đồng, có lần hỏi 10.000.000 đồng bà cũng không nhớ rõ vì mỗi lần hỏi thêm bà N đều có làm biên

nhận mới và nhận biên nhận cũ về. Đến ngày 01/8/2019 thì tổng số nợ bà N còn nợ bà là 272.000.000 đồng và bà N có làm biên nhận (Biên nhận ngày 01/8/2019 do bà viết, chữ ký tên và tên do bà N viết). Kể từ tháng 8/2019 đến nay bà N có đưa cho bà được 30.000.000 đồng, sau đó không có trả thêm phần tiền nào nữa. Nay bà yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền còn nợ là 242.000.000 đồng, không tính lãi.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn bà Trần Mỹ N trình bày: Vào khoảng tháng 6/2017 bà có qua hỏi vay của bà D số tiền là 5.000.000 đồng với hình thức trả góp hàng ngày 200.000 đồng, do buôn bán ế ẩm nên bà có qua hỏi thêm nhiều lần nữa và bà xác định có nợ bà D tổng cộng là 30.000.000 đồng thì bà nói là không góp nổi nữa chuyển qua tiền tháng, bà không nhớ rõ vào thời gian nào nhưng kể từ lúc đó đến nay bà không có vay thêm nữa, sau đó bà có nói với con bà việc thiếu nợ nên con bà có bỏ ra 30.000.000 đồng để trả cho bà D, bà nghĩ là đã trả hết nợ nhưng sau đó khoảng 02 tháng bà D xuống nhà và đưa ra biên nhận bà nợ bà D số tiền 272.000.000 đồng. Thực tế bà chỉ nợ bà D tổng cộng là 30.000.000 đồng và đã trả xong nên bà D khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền tổng cộng là 242.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Bà cho rằng chữ ký tên trong biên nhận nợ mà bà D cung cấp không phải là chữ ký của bà và bà cũng không có yêu cầu Toà án trung cầu giám định chữ ký này.

Tại phiên toà bà Võ Thị D phát biểu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Trần Mỹ N phát biểu thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ là của bà và yêu cầu được trả hàng tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai của bị đơn Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là bà Trần Mỹ N hiện tại có nơi cư trú tại ấp T, thị trấn R, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Đối với số tiền vay vốn: Bà Võ Thị D kiện cho rằng vào năm 2019 có cho bà Trần Mỹ N vay số tiền 272.000.000 đồng, đã trả được 30.000.000 đồng, hiện

còn nợ 242.000.000 chưa trả. Quá trình thu thập chứng cứ bà Trần Mỹ N không thống nhất là có ký tên vào biên nhận nợ như bà D đã cung cấp mà cho rằng chỉ nợ bà D số tiền 30.000.000 đồng và đã trả xong nhưng tại phiên toà bà N thừa nhận chữ ký tên trong biên nhận nợ ngày 01/8/2019 là do bà ký. Do đó Toà xác định có việc vay mượn tiền giữa bà N và bà D. **Nay bà Võ Thị D** có yêu cầu trả, căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, buộc bà Trần Mỹ N có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vốn vay còn nợ 242.000.000 đồng cho bà Võ Thị D.

[2]. **Đối với số tiền lãi: Căn cứ theo biên nhận nợ ngày 01/8/2019 thì hai bên không có thoả thuận lãi suất, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà ngày hôm nay bà D cũng không có yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi nên không đặt ra vấn đề xem xét.**

[3]. Về án phí. Căn cứ khoản 2 Điều **26** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Trần Mỹ N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147** Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng **Điều 463, 466** Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều **26** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị D. Buộc bà Trần Mỹ N phải thanh toán cho bà D với số tiền vay 242.000.000 (Hai trăm bốn mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bà Trần Mỹ N phải chịu **12.100.000đ (Mười hai triệu một trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.**

- Bà Võ Thị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.800.000 (Sáu triệu tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002222 ngày 28/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành A.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

Trần Minh Mẫn